

Số: /GPMT-UBND Hòa Bình, ngày tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 516/TTr-STNMT ngày 21 tháng 11 năm 2023 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình; địa chỉ trụ sở chính: Số 670, đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà”, tại Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên Dự án: “Trạm xử lý nước thải Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Quyết định thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình số 718/QĐ-Ttg ngày 07/6/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

1.4. Mã số thuế: 5400307108.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: xử lý nước thải của Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở.

- Phạm vi: Tổng diện tích thực hiện dự án là 1.710 m².

- Quy mô của cơ sở: Dự án nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*), dự án có tiêu trí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II (*theo quy định tại phụ lục IV, Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*).

- Công suất: Xử lý nước thải cho Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà với công suất xử lý 1.200 m³/ngày đêm, tương đương 50m³/h.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải rắn, nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hòa Bình và các cơ quan, đơn vị có liên quan, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án: “Trạm xử lý nước thải khu công nghiệp bờ trái sông Đà” của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, KH&CN, XD, CT;
- UBND thành phố Hòa Bình;
- UBND phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình;
- BQL các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình
(*Trung tâm phục vụ HCC tỉnh trả kết quả*);
- Công ty Cổ phần Thương mại Dạ Hợp
(*chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bờ trái sông Đà*);
- Công Thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Chánh, các Phó Chánh VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (Hg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Quách Tất Liêm

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành tại Nhà điều hành Trạm xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình ép bùn, vệ sinh máy ép bùn.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất và sinh hoạt sau xử lý sơ bộ của các nhà máy, xí nghiệp trong KCN Bờ trái sông Đà.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dự án có 01 dòng nước thải (bao gồm 03 nguồn thải): Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt và sản xuất của khu công nghiệp (KCN) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung 1.200 m³/ngày đêm để xử lý đạt Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT rồi sau đó được thải ra suối Đúng thông qua đường ống BTCT D300.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối Đúng, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Suối Đúng ở phía Đông Bắc cách khu đất dự án khoảng 40m, cách điểm nhập lưu vào sông Đà khoảng 1km thuộc Phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2304174; Y(m) = 430452.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 106⁰ múi chiều 3⁰)

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 1.200m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy (nước thải sau hệ thống xử lý, từ bể khử trùng tự chảy ra muông quan trắc môi trường tự động sau đó thoát ra suối Đúng thuộc phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình qua đường ống BTCT D300).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24/24giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của cột A, QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (với hệ số K_q = 0,9 và K_f

= 1,0), cụ thể như sau:

ST T	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (Cột A, QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số $K_q=0,9, K_f=1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	oC	40	Không yêu cầu	Đã lắp đặt
2	Màu	Pt/Co	50	3 tháng/lần	
3	pH	-	6 đến 9	Không yêu cầu	Đã lắp đặt
4	BOD5 (20oC)	mg/l	27		Đã lắp đặt
5	COD	mg/l	67.5		Đã lắp đặt
6	Chất rắn lơ lửng (SS)	mg/l	45		Đã lắp đặt
7	Asen	mg/l	0.045	3 tháng/lần	Không yêu cầu
8	Thủy ngân	mg/l	0.0045		
9	Chì	mg/l	0.09		
10	Cadimi	mg/l	0.045		
11	Crom (VI)	mg/l	0.045		
12	Crom (III)	mg/l	0.18		
13	Đồng	mg/l	1.8		
14	Kẽm	mg/l	2.7		
15	Niken	mg/l	0.18		
16	Mangan	mg/l	0.45		
17	Sắt	mg/l	0.9		
18	Tổng xianua	mg/l	0.063		
19	Tổng phenol	mg/l	0.09		
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4.5		
21	Sunfua	mg/l	0.18		

22	Florua	mg/l	4.5		
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	4.5		
24	Tổng Nitơ	mg/l	18		
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	3.6		
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	450		
27	Clo dư	mg/l	0.9		
28	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nguồn số 01 (*nước thải sinh hoạt của công nhân vận hành tại nhà điều hành Trạm xử lý nước thải*): Nước thải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó chảy theo đường ống HDPE D40mm, đầu nối vào trạm xử lý nước thải công suất 1200 m³/ngày đêm của dự án.

- Nguồn số 02 (*nước thải từ quá trình ép bùn, vệ sinh máy ép bùn*): được thu gom bằng đường ống dẫn D50mm dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 1200 m³/ngày đêm của dự án để xử lý lại từ đầu.

- Nguồn số 03 (*nước thải sản xuất và sinh hoạt sau xử lý sơ bộ tại các nhà máy, xí nghiệp trong KCN Bờ trái sông Đà*):

Nước thải của các doanh nghiệp được thu gom và tự xử lý sơ bộ bằng hệ thống xử lý của từng cơ sở, doanh nghiệp, sau đó đầu nối ra hệ thống thoát nước thải chung của khu công nghiệp. Hệ thống thoát nước thải của KCN Bờ trái sông Đà do Công ty cổ phần thương mại Dạ Hợp đầu tư xây dựng, quản lý và vận hành, hệ thống được bố trí trên vỉa hè bám theo các tuyến giao thông và tự chảy về trạm xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước thải được bố trí riêng, độc lập với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được thu gom theo hệ thống đường ống thoát nước thải từ các cơ sở sản xuất dẫn vào các tuyến cống chính của khu vực chảy về trạm

xử lý nước thải công suất 1200 m³/ngày đêm của dự án. Hệ thống thu gom nước thải của cả KCN cụ thể như sau:

+ Tuyến 01: Chiều dài tuyến thu gom dọc đường Nguyễn Văn Trỗi dài 495,21m với tiết diện, kết cấu D=0,4m; Ga thu: Tiết diện BxLxH = 12,4mx12,4mx1,8m; tổng 13 hố ga. Tuyến nhánh nối từ đường Nguyễn Văn Trỗi đến trạm xử lý nước thải chiều dài 271,93m, tiết diện, kết cấu D0,3m.

+ Tuyến 02: Tuyến đường bê tông đã có (tiếp giáp với Nhà máy mía đường Hòa Bình cũ nút giao đường Nguyễn Văn Trỗi), cống tròn D=0,315(m), bằng ống HDPE PE80 PN12,5, chiều dài khoảng 291m; Ga thu: Tiết diện ga BxLxH= 1,24mx1,24mx1,15m; Khoảng cách trung bình 30m/ga.

+ Tuyến 03: Tuyến Nguyễn Văn Trỗi: Cống thoát có chiều dài 554m, tiết diện, kết cấu cống, ga tương tự như đã tại tuyến 01.

+ Tuyến 04: Tuyến dọc đường Lê Thánh Tông, cống thoát có chiều dài 500m, cống tròn D=0,315m bằng HDPE. Ga thu: Tiết diện ga BxLxH= 1,24mx1,24mx1,15m, tổng 9 hố ga.

Toàn bộ nước thải các nhà máy sau khi xử lý sơ bộ, thu gom bằng đường ống thu gom dẫn về Trạm xử lý nước thải công suất 1200 m³/ngày đêm của dự án để được xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt tại nhà điều hành Trạm xử lý nước thải công suất 1200 m³/ngày đêm.

- Đã xây dựng 01 bể tự hoại 03 ngăn, có thể tích 4,5 m³.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 (ngăn ngăn thứ nhất của bể có vai trò làm ngăn lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải. Ngăn thứ 2, nước thải được phân hủy kỵ khí. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí). Sau đó nước thải được thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1200 m³/ngày đêm của khu công nghiệp để xử lý.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

* Công trình xử lý nước thải tập trung:

Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp bờ trái sông Đà có công suất 1200 m³/ngày đêm, cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom (TK-01) → Bể điều hòa kết hợp phản ứng nano Fe⁰ (TK-02) → Bể hòa trộn (TK-03) → Bể lắng sơ cấp (TK-04) → Bể sục hoàn thiện (TK-05) → Bể lắng thứ cấp (TK-06) → Bể khử trùng, quan trắc (TK-07) → Bể chứa nước thải sau xử lý → Cống thoát nước 350x800 → Hố ga 1 → Mương hở quan trắc tự động → Hố ga 2 → Cống tròn D300 → Nước thải đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (kf=1, kq=0,9) thải ra suối Đúng.

- Số lượng hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống.
- Công suất thiết kế: 1200 m³/ngày đêm.

Hoá chất, vật liệu sử dụng: dung dịch điều chỉnh pH (*Axit điều chỉnh pH: 1,25lít/ngày; NaOH điều chỉnh pH: 1,25kg/ngày*); dung dịch nano Fe (10 lít/ngày); dung dịch PAC (37 kg/ngày); dung dịch polymer (PAA: 1,25 kg/ngày); dung dịch khử trùng (*NaOCl: 85,2kg/ngày*).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01
- Vị trí lắp đặt: tại mương dẫn nước thải sau xử lý (trước hố ga số 02) của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1200m³/ngày đêm trước khi xả thải ra môi trường (suối Đứng).
- Thông số lắp đặt: Lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra, nhiệt độ, COD, pH, TSS, Amoni.
- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị (Model: SmartpH-WS1-Việt Nam)
- Camera theo dõi: 02 cái.
- Kết nối, truyền số liệu: Model: SmartpH-log01, sử dụng đường truyền internet.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động; vận hành và bảo trì hệ thống xử lý nước thải định kỳ theo đúng quy trình công nghệ và hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành vào sổ nhật ký vận hành.
- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn... Trang bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hỏng hóc.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.
- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp.
- Đào tạo, huấn luyện đội ngũ nhân viên phụ trách theo đúng hướng dẫn vận hành; tuân thủ thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố xảy ra.
- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố tiến hành việc khoá van xả thải, nước thải dẫn về bể gom (bể tiếp nhận) và bể điều hoà để lưu chứa tạm thời, tạm ngừng vận hành hệ thống xử lý nước thải, khắc phục kịp thời sự cố. Sau khi các sự cố từ hệ thống được khắc phục hoàn toàn, thực hiện xử lý nước thải theo đúng quy trình của trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực

STT	Nội dung	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc
1	Giám sát chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý	Ngay sau khi có giấy phép môi trường	03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế là 1200m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (Theo đề xuất của chủ dự án): 02 vị trí.

- Nước thải tại bể thu gom (TK-01).

- Nước thải tại vị trí: hố ga số 02 sau mương hở dẫn nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1200m³/ngày đêm xả thải ra môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm, cụ thể như sau

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (*việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải*). Chủ dự án đề xuất kế hoạch lấy mẫu nước thải cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu suất, hiệu quả:

+ Lấy mẫu tổ hợp với tần suất 15 ngày/lần x 05 lần (75 ngày).

+ Thời gian lấy mẫu tổ hợp: 03 lần/ngày; Sáng (8h-9h), trưa (11h-12h), chiều (14h-15h).

+ Thời gian dự kiến quan trắc: Tối thiểu 75 ngày tính từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định:

+ Lấy mẫu đơn 1 lần/3 ngày mẫu nước thải tại bể thu gom (TK-01).

+ Lấy mẫu đơn 3 lần/3 ngày liên tiếp mẫu nước thải tại vị trí hố ga số 02 sau mương hở dẫn nước thải sau xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung công suất 1200m³/ngày đêm trước khi xả thải ra môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của khu công

nghiệp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo yêu cầu tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường; Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của khu công nghiệp. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, duy tu, nâng cấp để đảm bảo việc tiêu thoát nước.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành có hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải; đảm bảo không xả nước thải chưa xử lý, chưa đạt quy chuẩn ra ngoài môi trường. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào, đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm xử lý nước thải gửi cơ quan cấp phép trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

3.7. Hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục phải được truyền, dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Việc kết nối truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và quy định tại Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.8. Chỉ được tái sử dụng nước thải cho mục đích khác sau khi đã đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành phù hợp với mục đích sử dụng nước theo quy định tại khoản 3 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.9. Trong quá trình hoạt động, trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, chủ dự án phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan chức năng về môi trường trong trường hợp cần thiết để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

3.10. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 2**YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ MÙI, KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Do loại hình dự án là đầu tư xây dựng công trình trạm xử lý nước thải tập trung cho Khu công nghiệp bờ trái sông Đà. Do đó không có nguồn phát sinh khí thải thuộc đối tượng cấp phép môi trường khí thải. Tuy nhiên, tại một số khu vực có khả năng phát sinh mùi, khí thải, chủ dự án cần thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải tại mục B phụ lục này.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ MÙI, KHÍ THẢI**1. Các biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải**

- Thường xuyên phun tưới đường vào những ngày nắng nóng;
- Đối với mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (XLNT) tập trung: Vận hành đúng quy trình kỹ thuật, định kỳ nạo vét, khơi thông cống rãnh thu gom nước thải, thoát nước thải luôn đảm bảo tiêu thoát nước triệt để, thường xuyên kiểm tra, làm sạch tránh việc ứ đọng nước; trồng cây xanh quanh khu vực hệ thống XLNT.
- Đối với mùi hôi phát sinh từ các thùng chứa rác thải sinh hoạt: Lắp đặt các thùng chứa rác thải có nắp kín, thu gom, vận chuyển rác đi xử lý đúng quy định.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, mùi, khí thải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

2.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực đảm bảo thực hiện thường xuyên các biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải đạt hiệu quả.

2.4. Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hòa Bình hoàn toàn chịu trách nhiệm khi làm phát sinh mùi, khí thải không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật ra môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Hệ thống máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Hệ thống máy bơm của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại các bể xử lý và khu vực đặt máy bơm tại nhà điều hành.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: tiếng ồn phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

T	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không quy định	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung: độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không quy định	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cá nhân cho công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực máy móc thiết bị hoạt động phát ra tiếng ồn.

- Máy thổi khí, máy ép bùn, máy phát điện dự phòng có lắp bộ chống rung.

- Vận hành các máy móc, thiết bị đúng quy kỹ thuật; định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị (máy nén khí, máy bơm nước,...) theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định./.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 1. Chủng loại, khối lượng chất thải nguy hại dự kiến của cơ sở

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)	Biện pháp xử lý
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	0,5	Hợp đồng với đơn vị có đủ hồ sơ năng lực để xử lý
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	1,0	
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	16 01 13	1,0	
4	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08	2,0	
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	21	
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	1,5	
	Tổng			27	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường của dự án, cụ thể như sau:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Số lượng
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1200m ³ /ngày đêm	kg/ ngày	204-223
2	Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động cải tạo, bảo trì bảo dưỡng các hệ thống, thiết bị, phương tiện thuộc trạm xử lý nước thải	kg/năm	30

* Đối với Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải công suất 1200m³/ngày đêm: sau khi đi vào vận hành thử nghiệm chủ dự án sẽ tiến hành lấy mẫu phân tích để phân định bùn thải, trên cơ sở kết quả phân tích chủ dự án thực hiện quản lý theo quy định hiện hành đối với bùn thải.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải rắn sinh hoạt	Số lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	2,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 06 thùng đựng rác chuyên dụng 120 lít

2.1.2. Khu vực chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. Diện tích kho: 08 m² (kích thước: BxLxH = 5x1,6x3m).

- Thiết kế, cấu tạo: công trình nhà cấp 4. Kết cấu: bê tông cốt thép, tường gạch xây, mái lợp tôn lạnh, nền đổ bê tông.

- Khu vực lưu giữ CTNH phải trang bị các dụng cụ, thiết bị vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Giải pháp xử lý: Định kỳ ký hợp đồng và chuyển giao CTNH cho đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

Thiết bị lưu chứa: 02 thùng rác 120 lít cố định có nắp đậy. Đặt tại nhà điều hành của trạm xử lý nước thải, hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ đến vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 3 tháng/lần hoặc tùy thuộc vào lượng chất thải phát sinh thực tế phát sinh để xử lý đảm bảo không để phát sinh chất thải ảnh hưởng đến môi trường đảm bảo theo quy định.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ bùn thải.

- Khu vực lưu chứa bùn thải: Diện tích kho 70 m² (Trong đó, bao gồm khu vực đặt máy ép bùn, khu vực sân chứa bùn, không gian đệm và 01 kho chứa chất thải nguy hại (08m²)).

- Thiết kế, cấu tạo: công trình nhà cấp 4, móng tường xây gạch, có tường bao quanh, mái xây thu hồi, lợp tôn trên hệ xà gồ thép, có biển báo kho chứa.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 02 thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy dung tích 60 lít đặt tại nhà điều hành của trạm xử lý nước thải (ký hợp đồng với Công ty CP môi trường đô thị Hoà Bình thu gom hàng ngày xử lý theo quy định).

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình công nghệ.
- Phân công cán bộ chuyên trách để vận hành hệ thống xử lý nước thải.
- Thường xuyên định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị trong trong hệ thống xử lý nước thải. Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố: tạm ngừng vận hành hệ thống xử lý nước thải, quay vòng nước thải xử lý chưa đạt về bể tiếp nhận, bể điều hòa hoặc hồ sinh học (hồ sự cố) để kéo dài thời gian xử lý, rà soát, kiểm tra nguyên nhân sự cố xảy ra tại vị trí nào, kịp thời sửa chữa, khắc phục sự cố sớm nhất để đưa hệ thống trở lại hoạt động bình thường.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép Môi trường số: /GPMТ-UBND ngày /01/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường (trừ chất thải có khả năng tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất có ký hiệu TT-R), chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực phù hợp theo quy định tại điểm e khoản 4 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.
